TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN P, TP. H	Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2020/ST-DS
Ngày 08 - 7 - 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn và bà Nguyễn Thị Chiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà KhuM Thị Mỹ Dung, Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 15/6/2020, số 05/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1960. "có mặt"

Địa chỉ: Số 78/24, tổ 2B, phố C, phường V, thị xã K, thành phố H.

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Huy M, sinh năm 1975. "vắng mặt"
2. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1980. "có mặt"

Cùng HKTT: Cụm 3, xã B, huyện P, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là bà Đỗ Thị L trình bày: Ngày 11/10/2011 (âm lịch) bà cho vợ chồng anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N vay số tiền 435.000.000đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suM 3%/tháng, trả lãi hàng tháng. Hai bên lập giấy vay tiền. Anh chị M N ký bên vay tiền và giao giấy cho bà giữ. Sau

khi vay tiền, anh chị M N không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận. Cụ thể, ngay tháng đầu tiên, anh chị M N không trả tiền lãi cho bà. Bà trực tiếp đến nhà đòi nhưng họ cứ trì hoãn, khM lần nói là đang khó khăn, sẽ trả sau. Sự việc cứ như vậy đến hết hạn vay 01 năm, bà đến nhà đòi cả tiền gốc và tiền lãi nhưng họ vẫn cứ xin khM. Sau đó, anh M bỏ trốn khỏi địa phương nhiều năm. Nay đã về nhà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N phải trả nợ cho bà làm 1 lần số tiền gồm: Tiền gốc 435.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn trình bày: Ngày 11/10/2011 (âm lịch) vợ chồng anh M chị N vay của bà Đỗ Thị L số tiền 435.000.000đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suM 3%/tháng, trả lãi hàng tháng. Sau khi vay tiền của bà L, anh chị N M không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận. Cụ thể, ngay tháng đầu tiên, anh chị không trả tiền lãi cho bà L do làm ăn thua lỗ. Bà L đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng anh chị đều xin trì hoãn, khM lần xin trả sau. Sự việc cứ như vậy đến hết hạn vay 01 năm, anh chị vẫn không trả được cho bà L đồng gốc và lãi nào. Sau đó, anh M bỏ trốn khỏi địa phương nhiều năm. Nay thỉnh thoảng có về thăm nhà rồi lại đi luôn. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh chị phải trả nợ cho bà L số tiền gồm: Tiền gốc 435.000.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay. Quan điểm của anh chị là: Hiện nay, vợ chồng anh chị đang gặp khó khăn, đồng ý trả nợ cho bà L toàn bộ số tiền gốc 435.000.000đồng nhưng xin trả dần 3.000.000đồng/tháng. Anh chị xin bà L cho toàn bộ tiền lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không đạt được thỏa thuận.

Anh Trần Huy M đã biết bà L khởi kiện đòi nợ tiền nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị L: Buộc anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N phải trả bà Đỗ Thị L toàn bộ số tiền gốc là 435.000.000đồng, không chấp nhận yêu cầu đòi trả tiền lãi của bà L do hết thời hiệu khởi kiện và bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án. Anh M và chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với yêu cầu đòi tiền nợ gốc của bà Đỗ Thị L:

Do quan hệ quen biết là người cùng xã nên ngày 11/10/2011 bà Đỗ Thị L cho vợ chồng anh Trần Huy M, chị Đỗ Thị N vay số tiền 435.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm. Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền. Cả bà L và vợ chồng anh chị M N đều công nhận giấy vay nợ trên là đúng. Sau khi vay tiền, anh M chị N chưa trả được đồng nợ gốc nào. Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N trả nợ số tiền gốc 435.000.000 đồng là có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu đòi tiền nợ lãi của bà Đỗ Thị L:

Bà L và anh M chị N thỏa thuận trong giấy vay nợ ngày 11/10/2011, thời hạn vay 01 năm, lãi suM 3%/tháng, trả lãi hàng tháng. Ngay sau khi vay tiền của bà L, vợ chồng anh M không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận. Cụ thể, ngay tháng đầu tiên, anh M và chị N không trả khoản tiền lãi nào cho bà L. Cứ như vậy cho đến hết hạn vay 01 năm vẫn không trả được. Như vậy, theo giấy vay nợ trên thì vợ chồng anh M phải trả lãi hàng tháng cho bà L, tuy nhiên vợ chồng anh M không thực hiện nghĩa vụ ngay từ tháng đầu tiên. Các bên cũng không có thêm thỏa thuận nào khác. Bà L biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm ngay sau khi vợ chồng anh M không thực hiện nghĩa vụ nhưng bà L không khởi kiện đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định của pháp luật, thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngày 29/5/2020, bà L mới khởi kiện đến Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với phần tiền lãi này. Đồng thời, tại phiên tòa, phía bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, không chấp nhận yêu cầu về phần đòi trả lãi suM của bà Đỗ Thị L.

[2]. Về án phí: Anh M và chị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Bà Đỗ Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 429, 463, 466, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N.

2. Buộc anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N phải trả cho bà Đỗ Thị L số tiền gốc 435.000.000đồng *(Bốn trăm ba lăm triệu đồng).*

3. Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của bà Đỗ Thị L.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suM phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suM quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Anh Trần Huy M và chị Đỗ Thị N phải chịu 21.400.000 đồng (hai mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Các đương sự được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đức Hiếu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự:
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Đức Hiếu